TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2022/DS-PT
Ngày: 16/5/2022
V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm
Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh
Ông Nguyễn Cường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2022/TLPT-DS ngày 07/4/2022 về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1588/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào N, sinh năm 1943. Địa chỉ: Đội 7, thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Th, sinh năm 1982. Địa chỉ: Đội 7, thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

Bị đơn: Ông Đào Tấn Nh, sinh năm 1964. Địa chỉ: Đội 7, thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đào Thị H, sinh năm 1956. Địa chỉ: Đội 11, thôn An Đạo, xã Tịnh

Long, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt)

- Ông Đào H1, sinh năm 1940. Địa chỉ: Đội 7, thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Trương Văn T1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Bãi xe Bưu điện Chánh Hưng, chợ Phạm Thế Hiển, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Ông Đào Tiến D1. Địa chỉ: Thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: Số 163 đường Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Q. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện ngày 05/12/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đào N (do bà Võ Thị Th đại diện) trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Đào N1 (chết năm 2008) và cụ Đặng Thị T2 (chết năm 2007). Cụ N1, cụ T2 có 05 người con gồm các ông, bà Đào H1, Đào N, Đào Thị Đ1 (chết năm 1994), Đào Thị H, ông Đào Tấn Nh. Bà Đ1 có 01 người con là ông Trương Văn T1. Cụ N1, cụ T2 chết không để lại di chúc, không có nghĩa vụ tài sản.

Cụ N1, cụ T2 để lại di sản thừa kế là các thửa đất số 1127, 1076, 376, cùng tờ bản đồ số 6; thửa đất số 418, tờ bản đồ số 7 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Đào N1.

Riêng thửa đất số 1127, sau khi cha mẹ chết thì ông Nh tự lập cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 27-3-2013 và ông Nh giả chữ ký của cha để được UBND huyện S1 cấp đổi cho GCNQSDĐ số BO 569517, số vào sổ CH00574 cấp ngày 30-5-2013 đối với thửa đất số 1127. Sau đó ông Nh tiếp tục tự lập "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" có nội dung giao lại toàn bộ thửa đất số 1127 cho ông Nh được trọn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt và được thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật", ông Nh lừa dối ông ký vào "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" và gửi UBND xã T chứng thực vào ngày 08-8-2013 trái với ý chí của ông. Căn cứ vào văn bản này, ngày 07-10-2013 UBND huyện S1 cấp GCNQSDĐ số phát hành BR158204, số vào sổ CH00666 đối với thửa đất số 1127 cho ông Nh. Ngày 14-10-2013, ông Nh có "Đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" có nội dung xin chuyển 100m^2 đất từ đất HNK sang đất ONT đối với thửa đất số 1127. UBND huyện S1 cấp GCNQSDĐ số BT826826, số vào sổ "CH" 00822 ngày 04/3/2014 đối với thửa đất số 1127 (trong đó 100m^2 đất ở, 185m^2 đất trồng cây hàng năm khác). Ngày 02-01-2018, ông Nh có "Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" đối với thửa đất số 1127 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp đổi lại GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL711621, số vào sổ cấp GCN CS08824 cho ông Nh ngày 24-01-2018.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Tuyên bố Văn bản phân chia tài sản thừa kế đã được UBND xã T chứng thực ngày 08-8-2013 là vô hiệu, vì: Văn bản không có chữ ký ông Trương Văn T1; những người ký trong văn bản trên không có mặt trước cơ quan chứng thực; chữ ký trong văn bản trên không phải chữ ký của ông H1, văn bản trên có sự lừa dối, chữ ký của ông trong văn bản đó là chữ ký pho to.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với 04 thửa đất: Thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 6, diện tích 285m^2; thửa đất số 376, tờ bản số 6, diện tích 580m^2; thửa đất số 418, tờ bản đồ số 7, diện tích 632m^2; thửa đất số 1076, tờ bản đồ số 6, diện tích 435m^2 cho các ông, bà Đào H1, Đào N, Đào Tấn Nh, Đào Thị H, Trương Văn T1, cụ thể:

- Chia thửa đất số 1127 cho các ông, bà Đào H1, Đào N, Đào Tấn Nh, Đào Thị H, Trương Văn T1 mỗi người 57m^2.

- Chia thửa đất số 376 cho cho các ông, bà Đào H1, Đào N, Đào Tấn Nh, Đào Thị H, Trương Văn T1 mỗi người 116m^2.

- Chia thửa đất số 418 cho các ông, bà Đào H1, Đào N, Đào Tấn Nh, Đào Thị H, Trương Văn T1 mỗi người 126,4m^2.

- Chia thửa đất số 1076 cho các ông, bà Đào H1, Đào N, Đào Tấn Nh, Đào Thị H, Trương Văn T1 mỗi người 87m^2.

Hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL711621, số vào sổ cấp GCN CS08824 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 24-01-2018 cho ông Đào Tấn Nh đối với thửa đất số 1127.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Đào Tấn Nh trình bày:

Cha mẹ ông là Đào N1 (chết năm 2008) và Đặng Thị T2 (chết năm 2007). Cha mẹ có 05 người con gồm các ông, bà Đào H1, Đào N, Đào Thị Đ1 (chết năm 1990), Đào Thị H, ông Đào Tấn Nh. Bà Đ1 có 01 con là ông Trương Văn T1. Cha mẹ chết không để lại di chúc, không có nghĩa vụ về tài sản.

Cha mẹ để lại tài sản là các thửa đất số 1127, 376, 418, 1076 cùng tại xã T,

thành phố Q.

Văn bản phân chia tài sản thừa kế đã được UBND xã T chứng thực ngày 08-8-2013 thiếu chữ ký ông Trương Văn T1; văn bản phân chia trên ký tại nhà ông; chữ ký ông Đào H1 trong văn bản phân chia trên là do ông Đào Tiến D1 ký thay. Ông không lừa dối ông N ký vào văn bản, lúc đó đọc cho ông N nghe nhiều lần, ông N đồng ý ký vào văn bản.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia các thửa đất số 1127, 376 vì các anh em trong nhà đã đồng ý ký văn bản thỏa thuận giao cho ông thửa đất số 1127; còn thửa đất số 376 từ lúc còn sống cha mẹ đã giao cho ông canh tác để lo cúng giỗ phía ngoại. Đối với các thửa khác, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đào H1 trình bày:

Cha mẹ ông là ông Đào N1 (chết năm 2008) và bà Đặng Thị T2 (chết năm 2007). Cha mẹ có 05 người con gồm các ông, bà Đào H1, Đào N. Đào Thị Đ1 (chết năm 1990), Đào Thị H, ông Đào Tấn Nh. Bà Đ1 có 01 con là ông Trương Văn T1. Cha mẹ chết không để lại di chúc, không có nghĩa vụ về tài sản.

Cha mẹ để lại tài sản là các thửa đất số 1127, 376, 418, 1076 tại xã T, thành phố Q.

Văn bản phân chia tài sản thừa kế đã được UBND xã T chứng thực ngày 08-8-2013 thiếu chữ ký ông Trương Văn T1; văn bản phân chia trên ký tại nhà ông Nh; lúc ký Văn bản phân chia, do ông mắt kém nên để con trai là Đào Tiến D1 ký thay. Ông N cũng có mặt, nghe đọc văn bản và đồng ý ký tên.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với thửa đất số 1127, 1076 vì các anh em trong nhà đã đồng ý ký văn bản thỏa thuận giao cho ông Nh thửa đất số 1127, còn thửa đất số 1076 để lại 200m^2 cho ông để thờ cúng ông bà, cha mẹ. Trường hợp Tòa án chia đất thì phần của ông đối với thửa đất số 1127 ông cho ông Nh. Đối với phần đất còn lại của thửa đất số 1076 và các thửa khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đào Thị H trình bày:

Bà đồng ý với phần trình bày của ông Nh về quan hệ huyết thống và tài sản do cha mẹ để lại. Cụ N1, cụ T2 chết không để lại di chúc, không có nghĩa vụ về tài sản.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, bà có ý kiến như sau: Thửa đất số 1076 là của ông bà để lại để thờ cúng nên không đồng ý chia; thửa đất số 1127 anh chị em trong nhà đã thỏa thuận giao cho ông Nh nên không đồng ý chia; thửa đất số 418 và thửa đất số 376 đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án chia đất thì phần của bà đối với thửa đất số 1127 bà cho ông

Nh, các thửa khác bà cho đều các ông H1, Ngô và Nho.

5. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Văn T1 trình bày:

Ông bà ngoại của ông là ông Đào N1 và bà Đặng Thị T2. Mẹ ông là bà Đào Thị Đ1, chết năm 1994. Ông là con duy nhất của bà Đ1. Ông N1, bà T2 để lại di sản thừa kế là các thửa đất số 1127, 376, 418, 1076 cùng tọa lạc tại xã T, thành phố Q. Ông N1, bà T2 chết không để lại di chúc. Vì vậy, ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

6. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Tiến D1 trình bày:

Từ khi ông nội là cụ Đào N1 còn sống đã giao ông canh tác thửa đất số 418 để lo cho ông, bà nội. Từ khi ông, bà nội chết đến nay ông vẫn canh tác thửa đất số 418. Hiện nay trên thửa đất số 418 ông có trồng cỏ voi. Trường hợp Tòa án chia đất thì ông đồng ý thu hoạch cỏ voi để giao đất. Văn bản phân chia tài sản thừa kế là ông ký thay cha ông Đào H1. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

7. Trong quá trình giải quyết vụ án, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi (do ông Phạm Văn Biên đại diện) trình bày:

Trên cơ sở GCNQSDĐ do UBND huyện S1 cấp ngày 04-3-2014 cho ông Đào Tấn Nh, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố thực hiện thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ và cấp GCNQSDĐ cho ông Nh ngày 24-01-2018 theo quy định của pháp luật.

8. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, UBND xã T trình bày:

Năm 2008, cụ Đào N1 đã chết nhưng đến năm 2013 UBND xã T lại xác nhận vào đơn ghi ngày 27-3-2013 của cụ Đào N1 về việc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1127 cho công dân đã có giấy chứng tử là không đúng. Đối với Văn bản phân chia di sản thừa kế đã được UBND xã T chứng thực ngày 08-8-2013 là thỏa thuận về mặt dân sự của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N1. Ông Nh đã gian dối trong việc kê khai thiếu những người thừa kế của cụ N1 thì ông Nh phải chịu trách nhiệm về sự gian dối của mình. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

9. T***ại phiên tòa, người làm chứng ông Đào Thanh D2 trình bày:***

Ông là người chứng kiến việc cụ N1 khi còn sống có ý nguyện cho ông Nh thửa đất số 1127. Việc cho đất cụ N1 chỉ nói và ông nghe, không lập thành văn bản.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định.

Căn cứ vào các Điều 122, 127, 674, 675, 676, 677 của Bộ luật dân sự năm

2005; các Điều 357, 468, 623, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 49, 106 của Luật đất đai năm 2003; các Điều 26, 34, 92, 147, 157, 158, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, 15, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào N về "Tranh chấp thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu".

2. Tuyên bố "Văn bản phân chia tài sản thừa kế" ghi tên các ông bà Đào H1, Đào N, Đào Thị H, Đào Tấn Nh được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện S1, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) chứng thực vào ngày 08-8-2013 vô hiệu.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL711621, số vào sổ cấp GCN CS08824 đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 14, đo vẽ năm 2016, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (tức thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 1996) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Đào Tấn Nh ngày 24-01-2018.

4. Xác định những người thừa kế của cụ Đào N1, cụ Đặng Thị T2 gồm: Ông Đào H1, ông Đào N, bà Đào Thị H, ông Đào Tấn Nh, ông Trương Văn T1.

5. Xác định di sản của cụ Đào N1, cụ Đặng Thị T2 để lại gồm: Thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 1996, có diện tích 261,2m^2 (đất ONT 100m^2, đất BHK 161,2m^2); thửa đất số 1076, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 1996, có diện tích 455,4m^2 (đất ONT 200m^2, đất BHK 255,4m^2); thửa đất số 376, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 1996, có diện tích 632,3m^2 đất BKH; thửa đất số 418, tờ bản đồ số 7, đo vẽ năm 1996, có diện tích 632,1m^2 đất LUC, đều tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đào H1, bà Đào Thị H về việc cho ông Đào Tấn Nh phần di sản mà ông H1, bà H được hưởng đối với thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 1996, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đào Thị H về việc cho đều các ông Đào H1, Đào N, Đào Tấn Nh phần di sản mà bà H được hưởng đối với các thửa đất số 1076, 376, tờ bản đồ số 6; thửa đất số 418, tờ bản đồ số 7, đều đo vẽ năm 1996 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Chia cho các ông Đào H1, Đào N, Đào Tấn Nh, Trương Văn T1 được hưởng phần di sản cụ thể: Ông H1 20.107.680 đồng (hai mươi triệu một trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm tám mươi đồng); ông N 23.410.400 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm mười nghìn bốn trăm đồng); ông Nh 30.015.840 đồng (ba mươi triệu không trăm mười lăm nghìn tám trăm bốn mươi đồng); ông T1 18.383.480 đồng (mười tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

8. Giao ông Đào Tấn Nh được quyền sử dụng thửa đất số 1127, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 1996 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có các cạnh như sau: cạnh phía bắc 17,25m, cạnh phía nam 18,5m, cạnh phía đông 14,3m, cạnh phía tây 15m, có giới cận phía bắc giáp đường đi, phía nam giáp thửa đất số 1128, phía đông giáp đường đi, phía tây giáp thửa đất số 1126;

Giao ông Đào Tấn Nh được quyền sử dụng thửa đất số 376, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 1996 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có các cạnh như sau: cạnh phía bắc 19,29m; cạnh phía nam lần lượt là 5,5m, 5,28m; cạnh phía đông lần lượt 12,89m, 5,58m, 7,04m, 12,45m; cạnh phía tây lần lượt 4,24m, 15,97m, 12,64m, 3,77m; có giới cận phía bắc giáp thửa đất số 374, phía nam giáp thửa đất số 409, phía đông giáp thửa đất số 296, phía tây giáp thửa đất số 375 và 410.

9. Giao ông Đào N được quyền sử dụng thửa đất số 418, tờ bản đồ số 7, đo vẽ năm 1996 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có các cạnh như sau: cạnh phía bắc 18,38m, cạnh phía nam 13,3m, cạnh phía đông lần lượt 34,91m và 5,64m, cạnh phía tây 43,29m; có giới cận phía bắc giáp thửa đất số 408, phía nam giáp thửa đất số 432, phía đông giáp mương thủy lợi, phía tây giáp thửa đất số 417;

Giao ông Đào N được quyền sử dụng diện tích đất 227,7m^2 thuộc thửa đất số 1076, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 1996 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có 100m^2 đất ONT, 127,7m^2 đất BHK; có các cạnh như sau: cạnh phía bắc 32,71m; cạnh phía nam lần lượt 1,14m, 28,62m, l,20m; cạnh phía đông lần lượt l,25m, 4,91m; cạnh phía tây lần lượt 1,31m, 6,05m; có giới cận phía bắc giáp phần đất được giao cho ông H1, phía nam, phía đông và phía tây đều giáp đường đi (ký hiệu B trên sơ đồ kèm theo).

10. Giao ông Đào H1 được quyền sử dụng diện tích đất 227,7m^2 thuộc thửa đất số 1076, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 1996 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có 100m^2 đất ONT, 127,7m^2 đất BHK; có các cạnh như sau: cạnh phía bắc lần lượt 5,09m, 9,59m, 17,83m; cạnh phía nam 32,71m; cạnh phía đông lần lượt 4,19m, l,70m; cạnh phía tây 7,28m; có giới cận phía bắc giáp đường đi và thửa đất số 1074, phía nam giáp phần đất được giao cho ông N, phía đông và phía tây đều giáp đường đi (ký hiệu A trên sơ đồ kèm theo).

11. Các ông Đào H1, Đào N, Đào Tấn Nh có quyền và nghĩa vụ đến các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

12. Ông Đào N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đào H1 số tiền 4.532.080 đồng (bốn triệu năm trăm ba mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng); thanh toán cho ông Trương Văn T1 số tiền 14.181.320 đồng (mười bốn triệu một trăm tám mươi mốt nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Ông Đào Tấn Nh có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Văn T1 số tiền 4.202.160 đồng (bốn triệu hai trăm lẻ hai nghìn một trăm sáu mươi đồng).

13. Buộc ông Đào Tiến D1 có nghĩa vụ thu hoạch cỏ voi có trên thửa đất số 418, tờ bản đồ số 7, đo vẽ năm 1996 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; bàn giao thửa đất số 418 cho ông Đào N.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/02/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết việc phân chia lại thửa đất số 418, tờ bản đồ số 7 với diện tích 632,1m^2 cho công bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Đào N do bà Võ Thị Th đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Đào H1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm phân chia thửa đất số 418, tờ bản đồ số 7 với diện tích 632,1m^2 cho công bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào H1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo ông Đào H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Hơn nữa, phần kháng cáo của ông Đào H1 chỉ liên quan đến nguyên đơn ông Đào N nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào H1 thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Đào H1 được quyền sử dụng diện tích đất 227,7m^2 thuộc thửa đất số 1076, tờ bản đồ số 6, trong đó có 100m^2 đất ONT và 127,7m^2 đất BHK. Đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ số 7 với diện tích 632,1m^2 . Đây là đất LUC Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Đào N là hợp tình, hợp lý. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào H1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đào H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng xét, ông Đào H1 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đào H1.

[4] Những phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào H1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 122, 127, 674, 675, 676, 677 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357, 468, 623, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 49, 106 của Luật đất đai năm 2003; các Điều 26, 34, 92, 147, 157, 158, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào N về "Tranh chấp thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu".

Giao ông Đào N được quyền sử dụng thửa đất số 418, tờ bản đồ số 7, đo vẽ năm 1996 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có các cạnh như sau: cạnh phía bắc 18,38m, cạnh phía nam 13,3m, cạnh phía đông lần lượt 34,91m và 5,64m, cạnh phía tây 43,29m; có giới cận phía bắc giáp thửa đất số 408, phía nam giáp thửa đất số 432, phía đông giáp mương thủy lợi, phía tây giáp thửa đất số 417;

Giao ông Đào N được quyền sử dụng diện tích đất 227,7m^2 thuộc thửa đất số 1076, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 1996 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có 100m^2 đất ONT, 127,7m^2 đất BHK; có các cạnh như sau: cạnh phía bắc 32,71m; cạnh phía nam lần lượt 1,14m, 28,62m, l,20m; cạnh phía đông lần lượt l,25m, 4,91m; cạnh phía tây lần lượt 1,31m, 6,05m; có giới cận phía bắc giáp phần đất được giao cho ông H1, phía nam, phía đông và phía tây đều giáp đường đi (ký hiệu B trên sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Giao ông Đào H1 được quyền sử dụng diện tích đất 227,7m^2 đất thuộc thửa đất số 1076, tờ bản đồ số 6, đo vẽ năm 1996 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có 100m^2 đất ONT, 127,7m^2 đất BHK; có các cạnh như sau: cạnh phía bắc lần lượt 5,09m, 9,59m, 17,83m; cạnh phía nam 32,71m; cạnh phía đông lần lượt 4,19m, l,70m; cạnh phía tây 7,28m; có giới cận phía bắc giáp đường đi và thửa đất số 1074, phía nam giáp phần đất được giao cho ông N, phía đông và phía tây đều giáp đường đi (ký hiệu A trên sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Các ông Đào H1, Đào N có quyền và nghĩa vụ đến các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Đào N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đào H1 số tiền 4.532.080 đồng (bốn triệu năm trăm ba mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng).

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đào H1.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm